

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm, tương đồng với thị trường chứng khoán thế giới sau khi Anh đã đạt thỏa thuận thương mại với Liên minh châu Âu sau nhiều tháng thương lượng, chỉ vài ngày trước khi nước này rời khỏi liên minh

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL đảo chiều hồi phục trong phiên hôm nay, tương đồng với TTCK toàn cầu sau khi Anh và EU đạt được thỏa thuận Brexit.

[Thông tin doanh nghiệp]

BSR, CTG

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn, mở lại thăm dò một phần nhỏ vị thế ngắn hạn trong các nhịp rung lắc đầu tuần sau, phần còn lại vẫn chờ 2 vùng hỗ trợ đáng lưu ý, gần là quanh 103x và xa hơn là quanh 1010 (+5)

25/12/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,084.42	+1.58
VN30	1,052.13	+1.76
HĐTL VN30F1M	1,064.90	+2.14
HNXIndex	192.46	+2.57
HNX30	309.91	+2.91
UPCoM	72.94	-0.18
USD/VND	23,128	-0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.35	+3
Lãi suất qua đêm (%)	0.16	+6
Dầu (WTI, \$)	48.23	+0.00
Vàng (LME, \$)	1,883.46	+0.00



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,084.42 (+1.58%)
KLGD (triệu CP) 652.8 (-4.8%)
GTGD (triệu US\$) 558.6 (-8.9%)

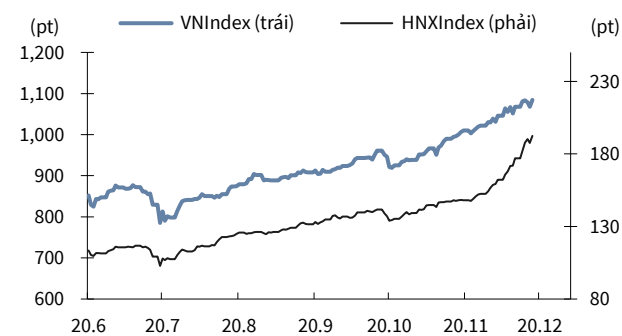
HNXIndex 192.46 (+2.57%)
KLGD (triệu CP) 98.3 (-26.8%)
GTGD (triệu US\$) 50.5 (-18.4%)

UPCoM 72.94 (-0.18%)
KLGD (triệu CP) 90.7 (-21.8%)
GTGD (triệu US\$) 26.4 (-23.9%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -11.2

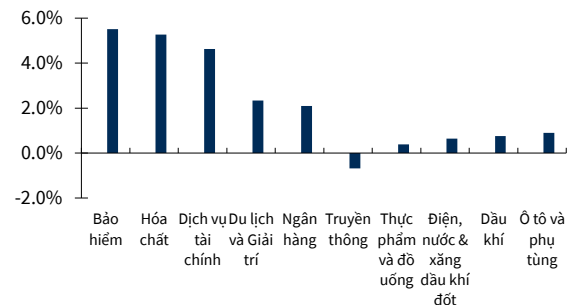
TTCK Việt Nam tăng điểm, tương đồng với thị trường chứng khoán thế giới sau khi Anh đã đạt thỏa thuận thương mại với Liên minh châu Âu sau nhiều tháng thương lượng, chỉ vài ngày trước khi nước này rời khỏi liên minh. Theo Phó Thống đốc NHNN, đến 21/12 tín dụng tăng 10.14% so với cuối năm 2019, đến hết năm 2020 tín dụng ước tính sẽ tăng 11%, và năm 2021 NHNN dự kiến lấy 12% là con số mục tiêu nhưng có thể mở rộng hơn lên 13-14% giúp cổ phiếu nhóm ngân hàng tăng giá như TCB (+5.7%), VPB (+3.2%), BID (+2.4%). Phó thủ tướng Trình Đình Dũng cho biết theo chiến lược đã đề ra, từ 2021 đến 2030, nước ta phải xây thêm 3,000 km đường cao tốc, qua đó nâng chiều dài đường cao tốc cả nước lên 5,000 km giúp gia tăng kỳ vọng vào việc Chính phủ đẩy mạnh đầu tư công, tác động tích cực đến cổ phiếu vật liệu DHA (+1.4%), HT1 (+0.9%), và nhóm hạ tầng ở FCN (+2%), C4G (+1.9%). Cổ phiếu ngành cao su giao dịch tích cực ở GVR (+7%), TRC (+2.5%) trước thông tin từ Thống kê hải quan, giá trị xuất khẩu cao su của Việt Nam tháng 11 đạt 301 triệu USD (+15.5% yoy). Khối ngoại bán ròng mạnh ở HPG (+2%), KBC (+6.8%), VNM (+0.28%).

VNIndex & HNXIndex



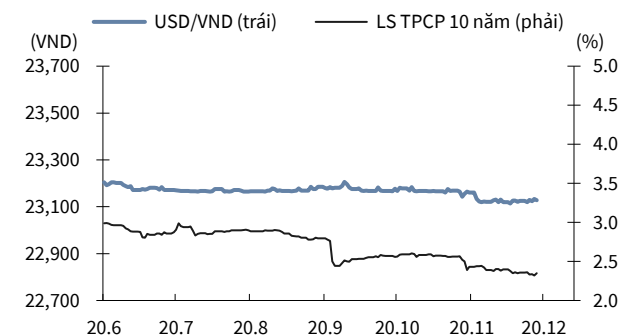
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



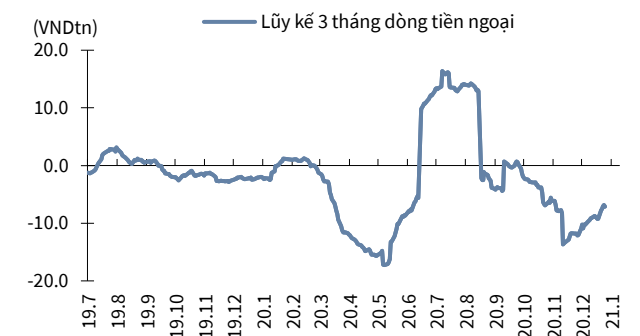
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

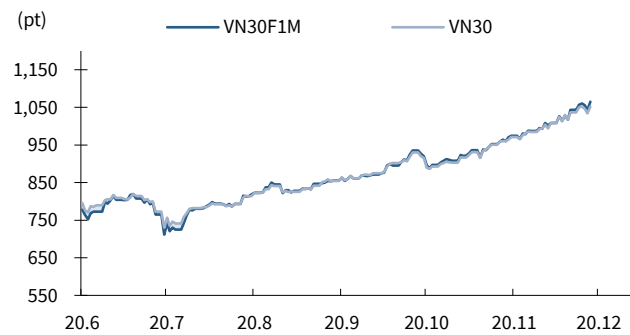
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,052.13 (+1.76%)
VN30F1M	1,064.9 (+2.14%)
Mở cửa	1,045.0
Cao nhất	1,064.9
Thấp nhất	1,034.0

HĐTL đảo chiều hồi phục trong phiên hôm nay, tương đồng với TTCK toàn cầu sau khi Anh và EU đạt được thỏa thuận Brexit. Chênh lệch HĐTL F2101 và VN30 mở cửa ở mức 10.75 và giao động trong biên độ 5.9 và 11.5 trước khi đóng cửa ở mức cao nhất ngày ở 12.77. NĐTNN mua bán cân bằng trong phiên hôm nay trong khi thanh khoản suy giảm.

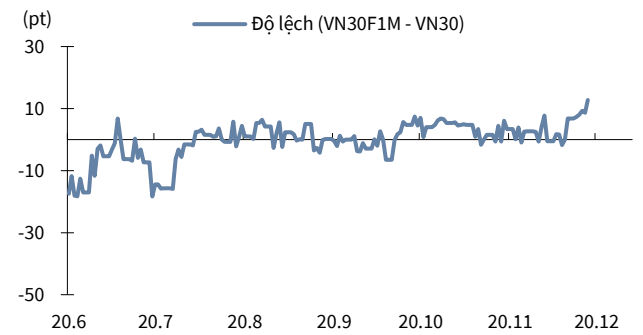
KLGD (HĐ) **158,950 (-31.3%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



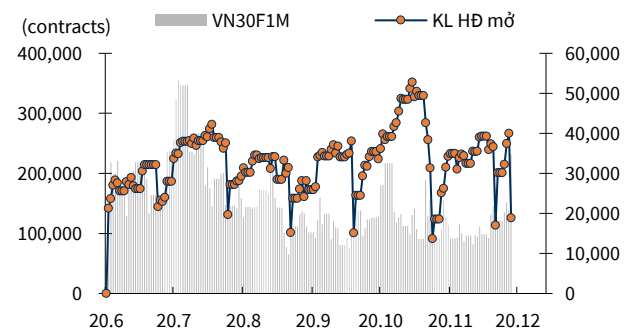
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



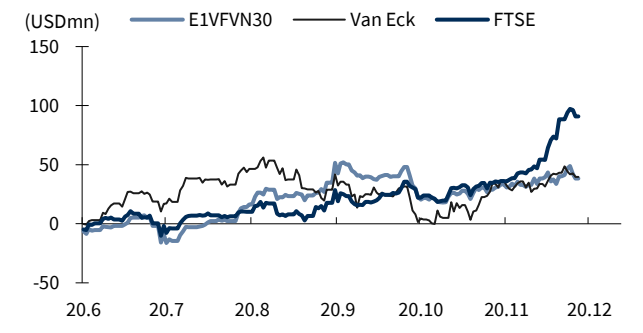
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

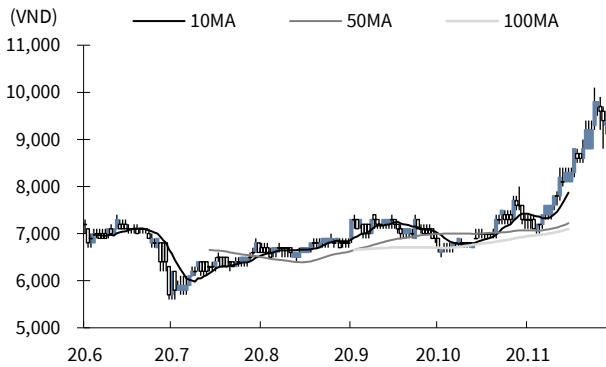
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

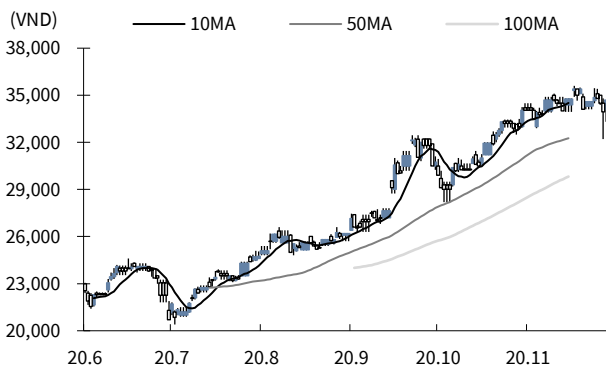
Lọc Hóa Dầu Bình Sơn (BSR)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- BSR tăng 4.3% lên 9,600 VNĐ/cp.
- HĐQT BSR vừa thông qua việc điều chỉnh một số chỉ tiêu kinh doanh năm 2020 với tổng doanh thu xuống 56,662.8 tỷ đồng, giảm 30% so với kế hoạch ban đầu và bỏ ngỏ chỉ tiêu lợi nhuận năm nay trong khi kế hoạch ban đầu là 1,185 tỷ đồng.
- Trước đó, BSR thông báo đã về đích sản lượng khi đạt mốc 5.56 triệu tấn và tổng doanh thu hoạt động sau 11 tháng là 49,035 tỷ đồng

VietinBank (CTG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- CTG tăng 2.2% lên 34,700 VNĐ/cp.
- HĐQT CTG phê duyệt điều chỉnh thời gian thanh toán cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt tỷ lệ 5%, tương đương với quy mô hơn 1,800 tỷ đồng từ ngày 21/1/2021 sang ngày 30/12/2020.
- Bên cạnh đó, mới đây, ngân hàng đã thông qua phát hành hơn 1.07 tỷ cổ phiếu để trả cổ tức (tỷ lệ 29%), sau khi hoàn thành vốn điều lệ CTG sẽ nâng từ 37,234 tỷ đồng lên 47,953 tỷ đồng.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

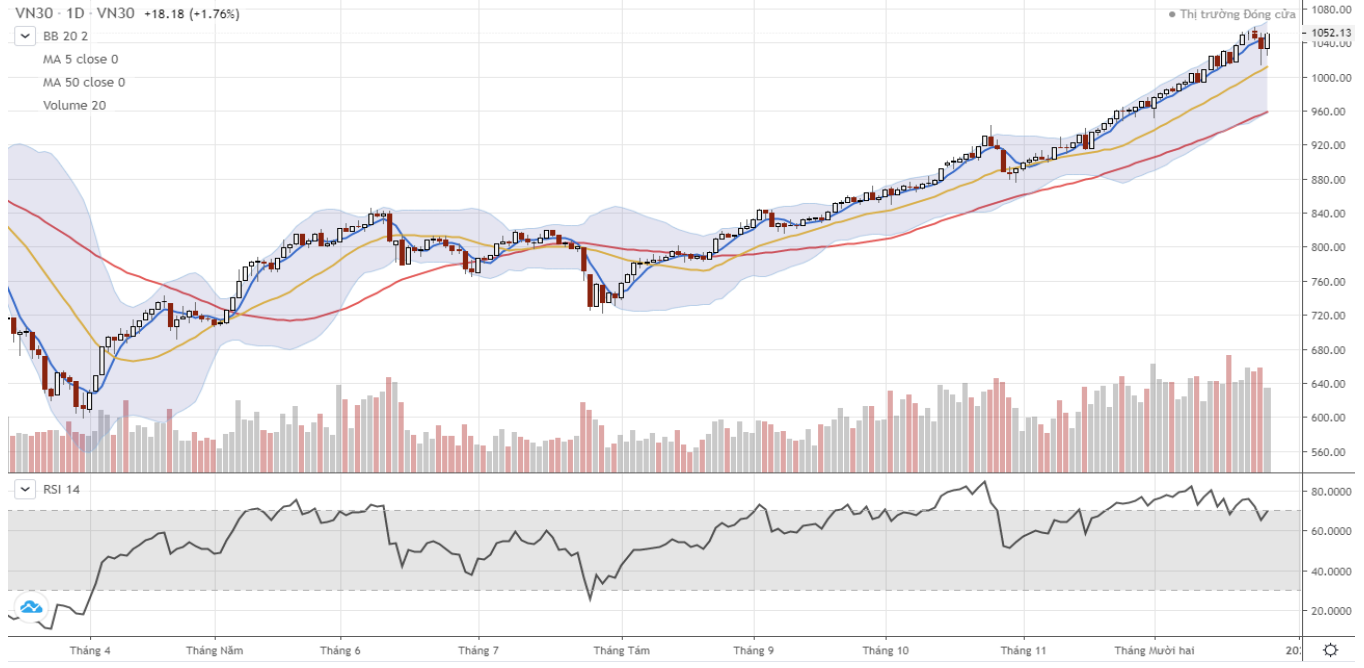
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



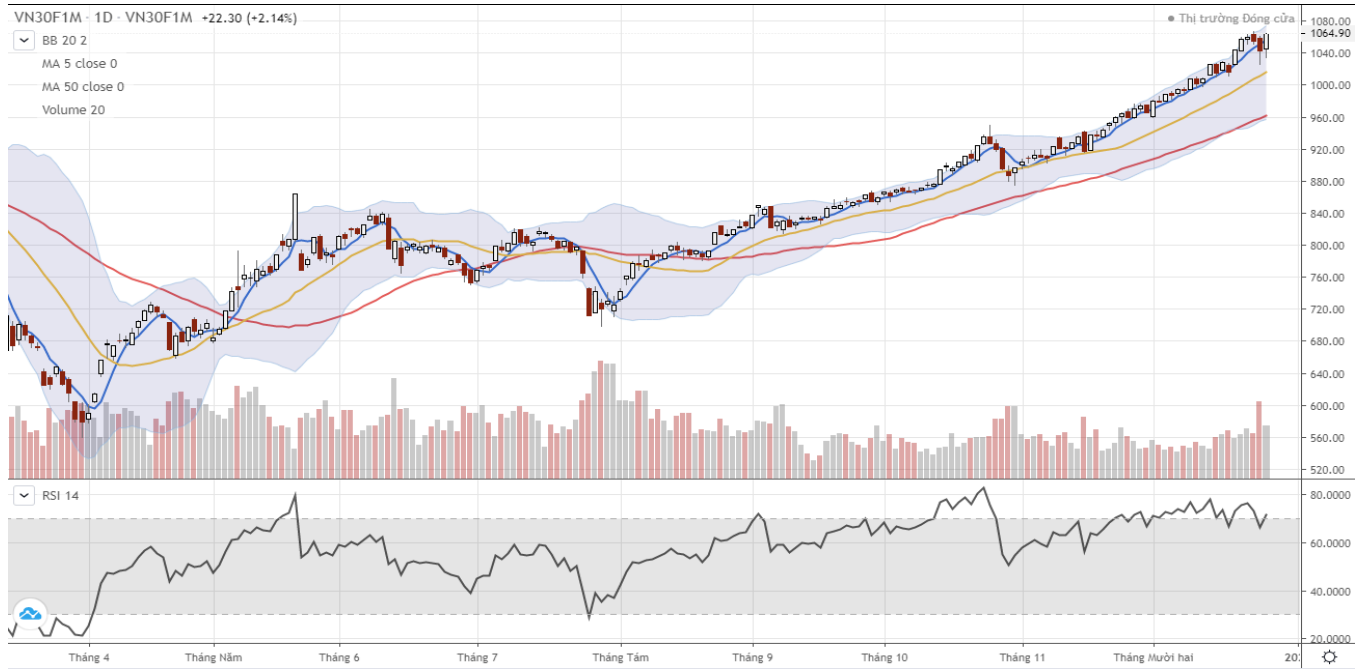
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex đảo chiều hồi phục mạnh với đà tăng được mở rộng về cuối phiên, lấy lại toàn bộ số điểm đã mất của 2 phiên liền trước.
- Theo quan sát của chúng tôi, chỉ số đã vượt qua được ngưỡng cản then chốt trong phiên, đủ để xác nhận cơ hội tiếp tục vượt đỉnh mặc dù có thể còn xuất hiện một vài nhịp rung lắc ngắn trong phiên đầu tuần sau.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn, mở lại thăm dò một phần nhỏ vị thế ngắn hạn trong các nhịp rung lắc đầu tuần sau, phần còn lại vẫn chờ 2 vùng hỗ trợ đáng lưu ý, gần là quanh 103x và xa hơn là quanh 1010 (+5).

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1075 - 1080

Kháng cự gần: 1069 - 1071

Hỗ trợ gần: 1058 - 1060

Hỗ trợ xa: 1052 - 1055

— Sau nhịp rung lắc vào đầu phiên, F1 đảo chiều hồi phục và bật tăng mạnh về cuối phiên.

— Theo quan sát của chúng tôi, chỉ số đã vượt qua được ngưỡng cản then chốt trong phiên, đủ để xác nhận cơ hội tiếp tục vượt đỉnh mặc dù có thể còn xuất hiện một vài nhịp rung lắc ngắn trong phiên đầu tuần sau.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Quay trở lại chiến lược giao dịch linh hoạt 2 chiều trong phiên.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Chờ mở thăm dò trở lại vị thế SHORT tại vùng kháng cự xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

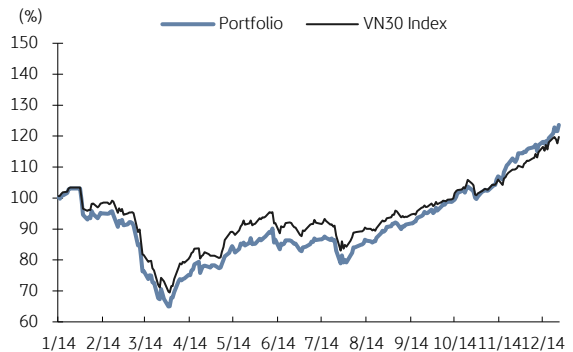
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.76%	1.68%
Tăng lũy kế (YTD)	19.69%	23.62%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 25/12/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	118,500	1.5%	2.2%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	29,200	-0.2%	19.4%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	77,700	1.0%	1.4%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	23,100	1.3%	34.7%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	48,000	0.6%	41.2%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	57,600	1.1%	72.1%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	34,700	2.2%	42.2%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	84,200	0.4%	14.7%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	40,750	2.0%	108.5%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	22,050	6.8%	60.9%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VHM	1.5%	22.0%	20.3
SSI	6.9%	47.2%	17.7
POW	1.7%	8.5%	15.3
HCM	6.9%	47.9%	13.6
GMD	2.7%	38.5%	12.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	2.0%	33.3%	-217.0
KBC	6.8%	18.0%	-35.7
VNM	0.3%	57.9%	-29.5
FRT	7.0%	20.3%	-10.9
VND	6.9%	32.9%	-9.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SHS	9.6%	7.6%	0.9
PLC	0.8%	1.3%	0.7
VIX	3.1%	0.6%	0.6
SZB	0.0%	4.0%	0.5
CVN	0.0%	1.5%	0.4

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
BVS	3.5%	21.0%	-9.0
API	9.5%	44.0%	-7.5
PVS	1.3%	10.6%	-1.8
VIG	5.6%	3.2%	-1.3
HMH	3.8%	17.5%	-0.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	11.2%	DCM, DPM
Dịch vụ tài chính	9.7%	SSI, VCI
Bảo hiểm	7.6%	BVH, PGI
Tài nguyên Cơ bản	5.2%	HPG, POM
Truyền thông	4.0%	YEG, PNC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và Vật Liệu	-16.5%	VCG, CRC
Dầu khí	-1.2%	PLX, PVD
Thực phẩm và đồ uống	-1.1%	VNM, SAB
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.0%	GAS, BWE
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.2%	TLG, STK

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	35.4%	DCM, DPM
Dịch vụ tài chính	32.2%	SSI, VND
Tài nguyên Cơ bản	12.7%	HPG, HSG
Bảo hiểm	9.8%	BVH, BIC
Ngân hàng	9.8%	TCB, BID

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và Vật Liệu	-13.9%	VCG, CVT
Thực phẩm và đồ uống	1.9%	VNM, VHC
Công nghệ thông tin	2.7%	SAM, ITD
Ô tô và phụ tùng	3.1%	TCH, SVC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	3.6%	GAS, BWE

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	105,900	358,199 (15,488)	90,074 (3.9)	22.8	63.2	43.3	14.2	6.4	8.5	3.7	3.4	0.2	1.1	0.3	-7.9
	VHM	VINHOMES JSC	87,600	288,161 (12,459)	230,388 (10.0)	27.0	10.8	9.2	34.2	36.8	30.9	3.4	2.5	1.5	2.7	4.9	3.3
	VRE	VINCOM RETAIL JS	30,450	69,192 (2,992)	225,401 (9.7)	18.5	30.6	22.1	-11.8	8.2	10.8	2.4	2.2	1.7	1.0	7.8	-10.4
	NVL	NO VA LAND INVES	66,500	65,588 (2,836)	144,525 (6.2)	33.0	17.0	16.3	3.1	14.7	13.5	2.5	2.1	0.8	0.8	8.3	11.8
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,450	15,898 (687)	56,883 (2.5)	10.5	14.5	12.7	14.7	14.2	15.1	2.0	1.8	0.5	2.7	9.6	11.1
	DXG	DAT XANH GROUP	15,200	7,878 (341)	106,594 (4.6)	13.3	18.0	7.6	-56.9	3.2	14.0	1.1	1.0	1.3	2.7	10.5	4.8
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	97,600	361,986 (15,651)	93,685 (4.1)	6.3	22.7	18.7	10.1	19.1	19.1	3.8	3.1	0.3	-1.3	4.4	8.2
	BID	BANK FOR INVESTM	46,600	187,426 (8,104)	127,999 (5.5)	12.6	33.5	21.1	-7.2	9.3	12.2	2.3	2.1	2.4	-0.9	12.8	1.0
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	29,550	103,570 (4,478)	495,865 (21.4)	0.0	9.4	8.2	7.2	16.4	16.0	1.4	1.2	5.7	1.2	25.2	25.5
	CTG	VIETNAM JS COMM	34,700	129,202 (5,586)	315,904 (13.7)	1.1	13.7	10.3	31.2	12.6	14.8	1.6	1.4	2.2	0.3	5.2	66.0
	VPB	VIETNAM PROSPERI	32,500	79,227 (3,426)	204,896 (8.9)	0.0	8.9	7.7	9.1	18.6	18.3	1.6	1.3	3.2	2.7	21.7	62.5
	MBB	MILITARY COMMERC	23,100	64,060 (2,770)	344,044 (14.9)	0.0	8.3	7.2	10.5	18.5	17.7	1.3	1.2	1.3	0.0	18.8	27.7
	HDB	HDBANK	24,000	38,250 (1,654)	121,451 (5.3)	4.7	8.5	7.2	24.7	19.2	19.0	1.5	1.3	3.4	1.3	19.9	43.7
	STB	SACOMBANK	16,950	30,572 (1,322)	349,017 (15.1)	14.3	17.5	13.7	11.5	7.1	8.4	1.1	1.0	2.7	-0.3	18.1	68.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,150	28,009 (1,211)	65,888 (2.8)	0.0	8.3	7.6	34.8	22.3	19.9	1.7	1.4	4.4	9.0	31.9	57.6
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	19,100	23,482 (1,015)	7,098 (0.3)	0.0	27.6	31.4	13.6	5.3	4.4	1.4	1.4	0.5	11.0	10.7	7.3
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,987)	66,445 (2.9)	20.7	36.6	29.4	4.0	6.6	8.2	2.3	2.2	6.0	8.4	12.1	-9.8
	BMI	BAOMINH INSURANC	29,700	2,713 (117)	15,883 (0.7)	14.5	16.2	14.3	9.7	8.5	9.4	1.2	1.1	2.4	1.9	-3.1	19.8
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	30,300	18,208 (787)	264,101 (11.4)	52.9	15.7	14.8	-4.1	10.3	11.7	-	-	6.9	13.1	57.8	94.7
	VCI	VIET CAPITAL SEC	52,700	8,727 (377)	60,335 (2.6)	73.6	-	-	-	11.1	13.0	-	-	2.7	12.2	26.4	78.6
	HCM	HO CHI MINH CITY	31,000	9,456 (409)	138,038 (6.0)	52.2	-	-	-	11.0	17.1	-	-	6.9	6.2	27.6	45.2
	VND	VNDIRECT SECURIT	28,850	6,016 (260)	65,738 (2.8)	16.1	-	-	-	7.4	11.2	-	-	6.9	19.5	67.7	100.3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,771 (9,848)	269,059 (11.6)	42.1	22.2	20.3	6.2	38.9	39.1	7.7	7.0	0.3	-1.3	-1.4	12.3
	SAB	SAIGON BEER ALCO	198,000	126,974 (5,490)	21,524 (0.9)	36.9	29.9	24.4	3.5	22.4	24.9	6.2	5.5	0.0	-1.9	3.0	-13.2
	MSN	MASAN GROUP CORP	82,500	96,911 (4,190)	75,470 (3.3)	15.3	89.2	36.6	-52.5	3.5	8.8	3.1	2.9	-0.2	-1.9	0.2	46.0
	HNG	HOANG ANH GIA LA	14,200	15,741 (681)	80,823 (3.5)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-2.7	6.4	2.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	125,900	65,951 (2,852)	75,000 (3.2)	11.3	-	30.2	-	-4.3	14.1	4.6	4.0	2.4	0.7	5.8	-13.9
	GMD	GEMADEPT CORP	32,150	9,546 (413)	153,338 (6.6)	10.5	23.6	21.6	-53.1	7.1	7.5	1.6	1.6	2.7	-1.8	19.1	38.0
	CII	HO CHI MINH CITY	19,750	4,717 (204)	48,414 (2.1)	41.6	10.4	9.8	135.9	9.1	8.9	0.9	0.8	-0.3	1.8	12.5	-12.2
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,460	1,396 (060)	18,030 (0.8)	46.9	-	-	-	-	-	-	-	-1.6	11.8	12.8	-85.8
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	23,100	10,856 (469)	183,313 (7.9)	36.9	31.6	13.3	-17.7	11.3	12.4	-	-	-1.7	11.1	10.5	19.4
	CTD	COTECCONS CONSTR	74,000	5,646 (244)	84,415 (3.6)	3.0	11.1	10.5	-39.8	6.3	6.5	0.7	0.7	0.1	4.5	16.0	44.2
	REE	REE	48,000	14,882 (643)	24,568 (1.1)	0.0	10.0	8.8	-8.7	13.4	13.6	1.3	1.2	0.6	3.0	4.6	32.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USDmn)	GTGD (VNĐ triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	84,200	161,155 (6,968)	92,326 (4.0)	45.9	19.8	16.5	-14.9	17.0	19.3	3.3	3.3	0.4	-0.8	1.8	-10.1
	NT2	PETROVIETNAM NHO	24,700	7,111 (307)	15,429 (0.7)	30.1	11.2	10.5	-8.4	13.7	16.9	1.8	1.7	3.1	4.4	6.7	14.1
	PPC	PHA LAI THERMAL	24,000	7,695 (333)	8,239 (0.4)	33.7	10.1	9.2	-17.4	13.1	14.4	1.3	1.3	0.4	0.0	4.1	-10.8
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	40,750	135,016 (5,838)	848,500 (36.7)	15.7	11.6	9.4	15.9	20.8	20.9	2.2	1.8	2.0	5.6	14.5	108.1
	DPM	PETROVIETNAM FER	18,700	7,318 (316)	61,421 (2.7)	36.2	10.3	11.4	8.0	9.7	8.9	0.9	0.8	1.4	3.9	7.5	44.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,800	7,306 (316)	51,327 (2.2)	46.2	12.8	17.4	-1.5	10.1	7.7	1.2	1.2	3.4	11.7	13.6	112.3
	HSG	HOA SEN GROUP	22,250	9,886 (427)	219,433 (9.5)	36.8	8.5	7.7	71.2	15.9	15.5	1.3	1.1	0.9	2.3	22.9	199.1
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	14,000	3,105 (134)	44,402 (1.9)	97.0	7.6	8.2	38.5	11.7	10.1	0.9	0.8	3.7	4.9	16.2	15.7
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	53,100	64,719 (2,798)	46,157 (2.0)	4.3	57.4	19.3	-43.1	5.1	14.9	2.7	2.6	0.8	-1.3	5.4	-5.2
	PVD	PETROVIETNAM DRI	14,400	6,064 (262)	117,315 (5.1)	39.1	45.8	45.1	-6.2	0.9	0.9	0.5	0.5	0.7	0.3	8.7	-4.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	13,050	4,224 (183)	42,948 (1.9)	33.5	8.2	8.0	-8.6	11.1	10.4	0.8	0.8	1.2	-1.5	0.7	-10.7
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	118,500	53,634 (2,319)	134,500 (5.8)	0.0	13.9	10.7	12.9	28.1	28.7	3.5	2.8	1.5	3.0	5.8	3.9
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	77,700	17,672 (764)	64,497 (2.8)	0.0	17.9	14.6	4.4	21.6	22.7	3.5	3.0	1.0	0.5	2.0	-9.7
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	47,400	1,483 (064)	1,742 (0.1)	70.3	19.9	14.5	-28.1	6.7	8.5	1.3	1.2	-0.6	3.7	7.0	28.1
	FRT	FPT DIGITAL RETA	31,350	2,476 (107)	70,441 (3.0)	28.8	74.7	22.3	-48.9	2.8	9.3	2.0	2.0	7.0	8.1	41.2	48.9
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	64,400	8,726 (377)	62,146 (2.7)	35.3	9.9	9.1	29.5	35.5	32.6	-	-	0.6	0.8	2.2	68.6
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	104,600	13,676 (591)	736 (0.0)	45.2	18.2	17.9	13.6	21.4	20.3	3.6	3.3	0.4	0.2	1.3	14.3
	PME	PYMEPHARCO JSC	76,300	5,723 (247)	1,046 (0.0)	23.9	-	-	-	-	-	-	-	-0.3	0.3	1.9	40.5
IT	FPT	FPT CORP	57,600	45,153 (1,952)	120,197 (5.2)	0.0	13.4	11.5	19.3	23.5	25.0	2.8	2.5	1.1	1.2	4.3	13.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh

anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu

hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.